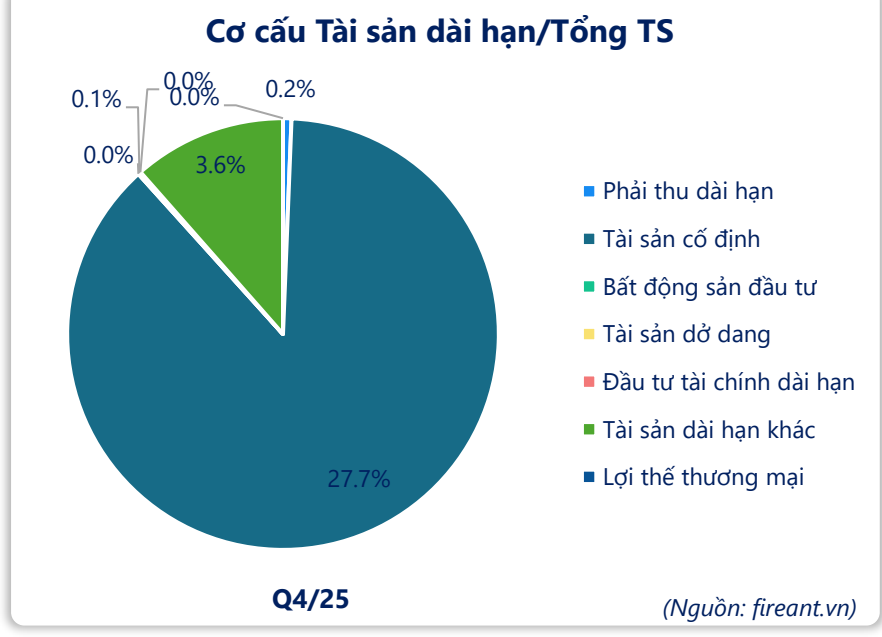
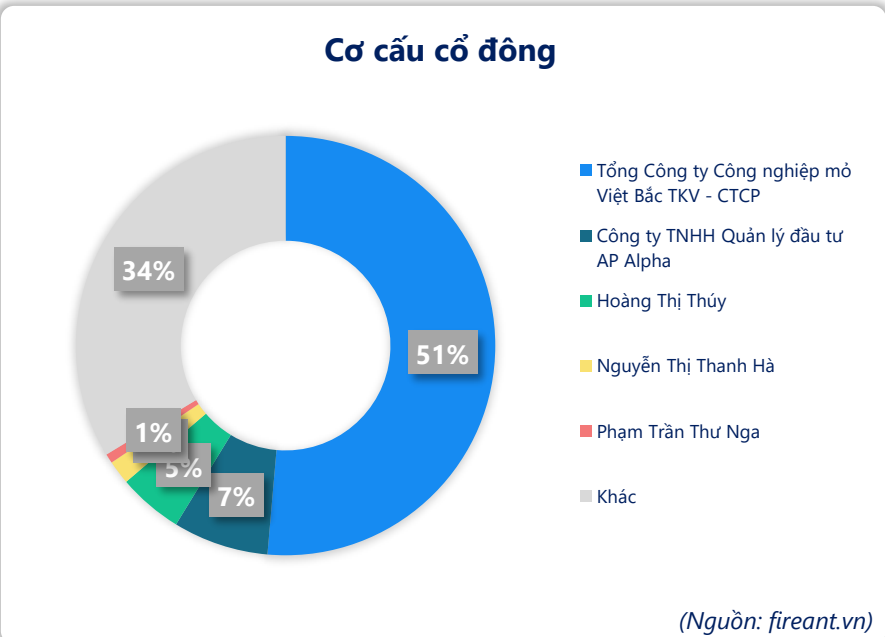
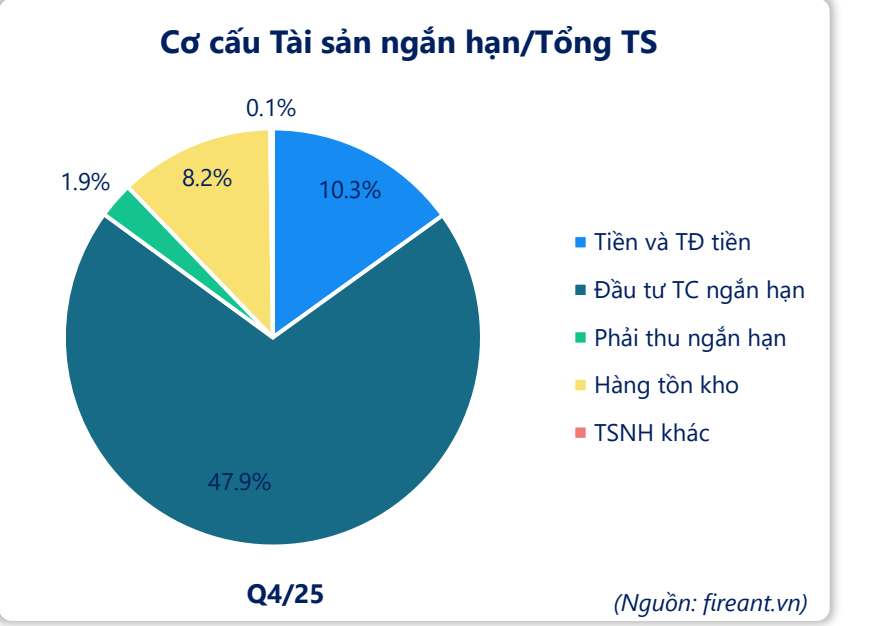
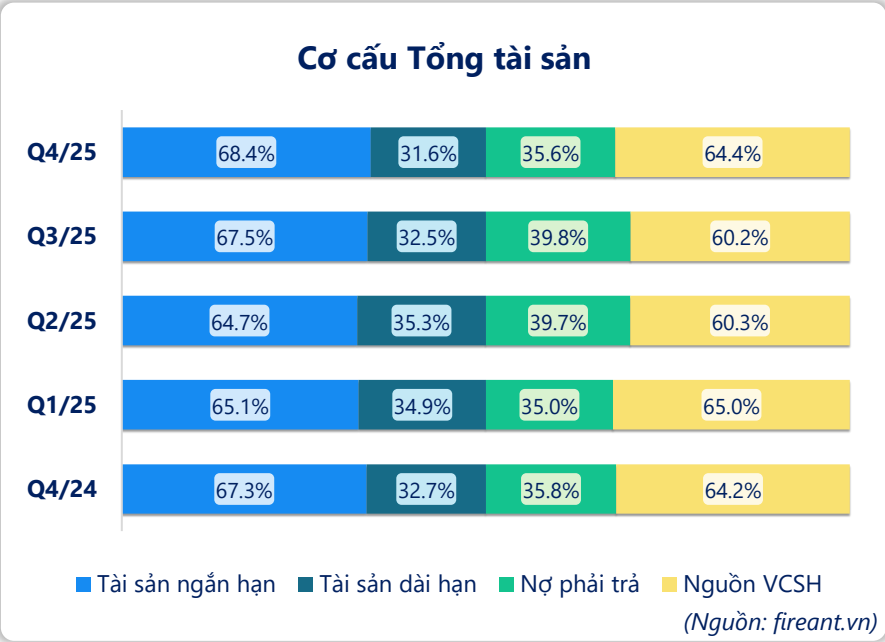
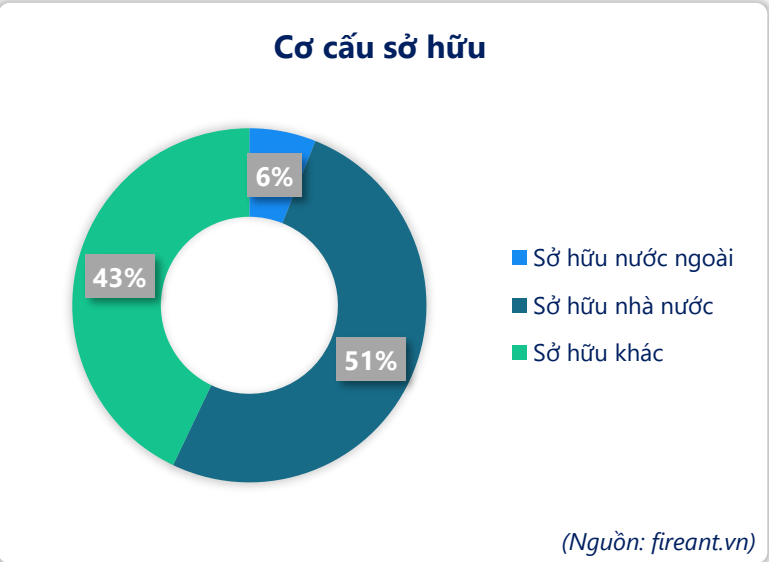
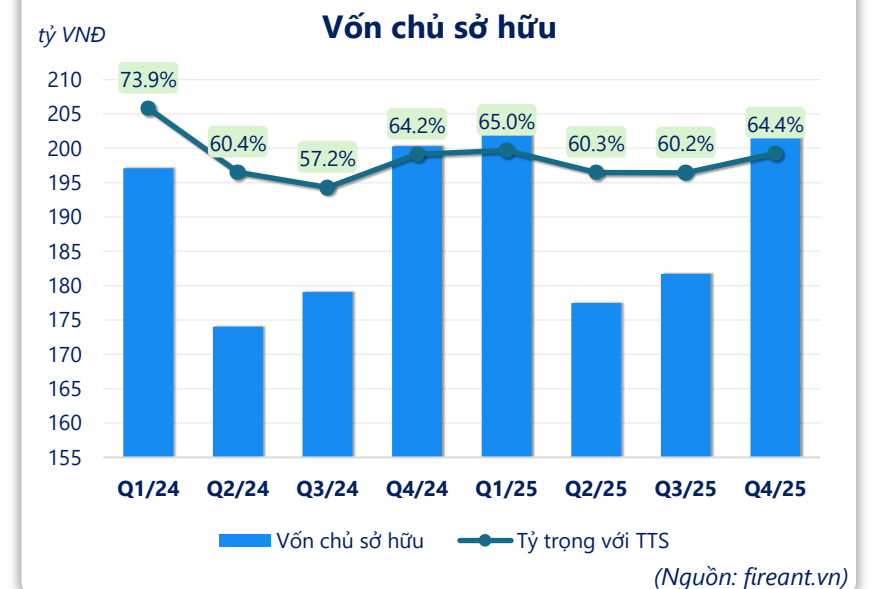
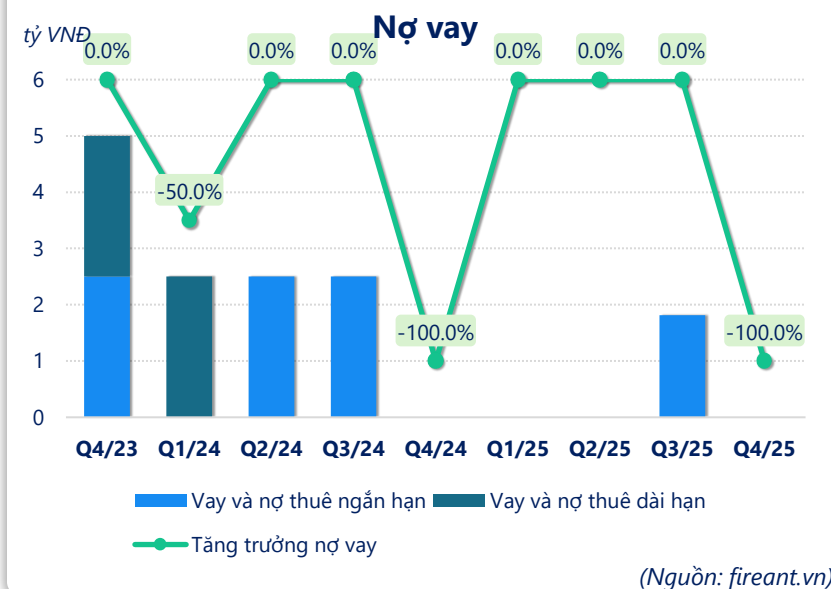
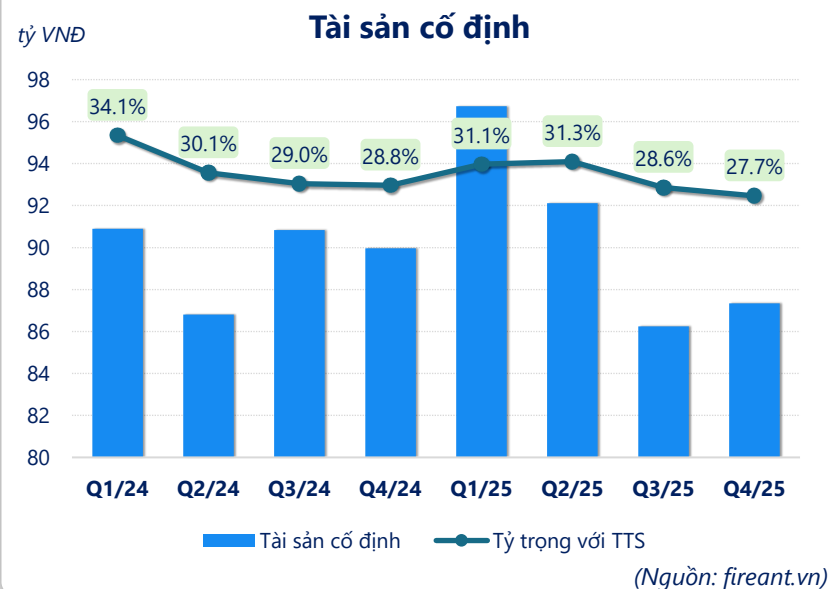
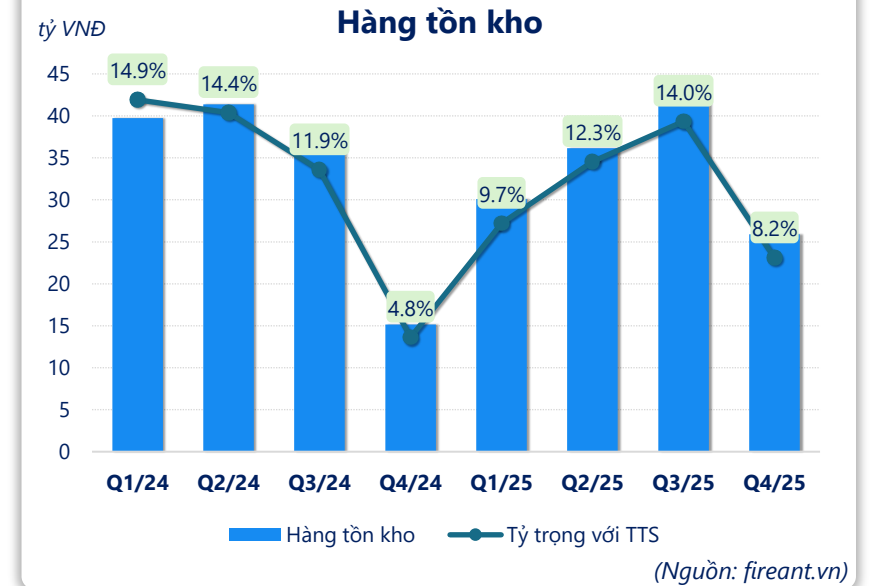
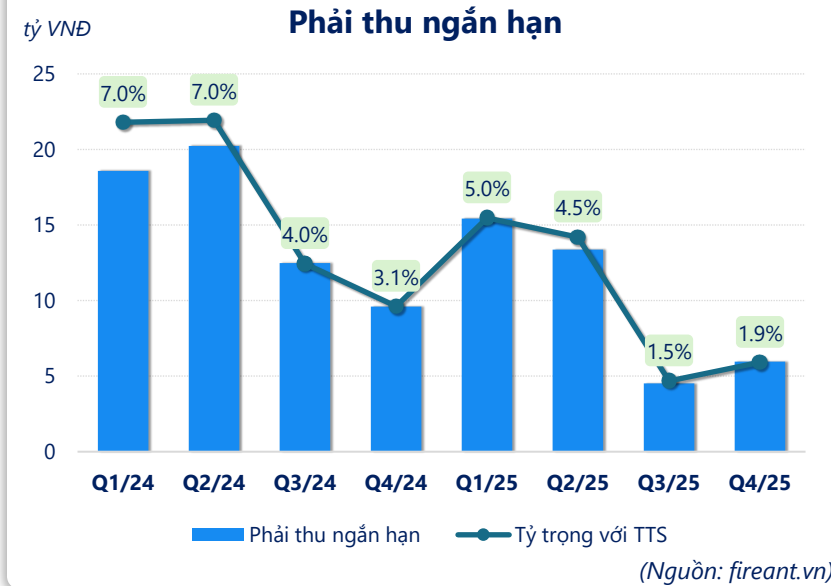
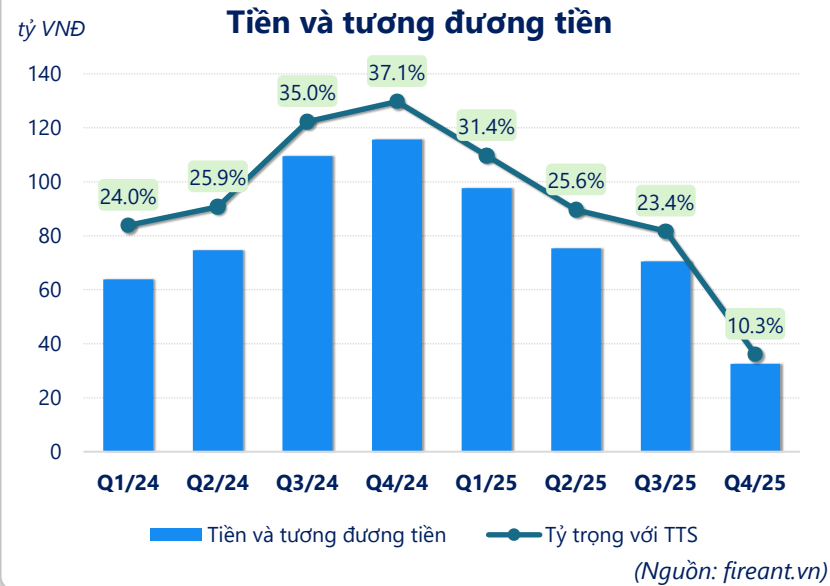
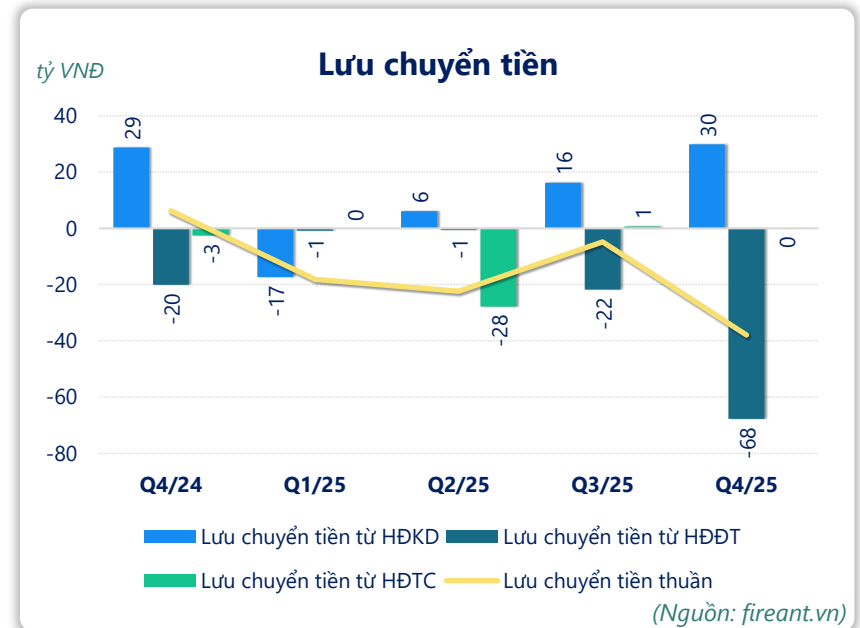
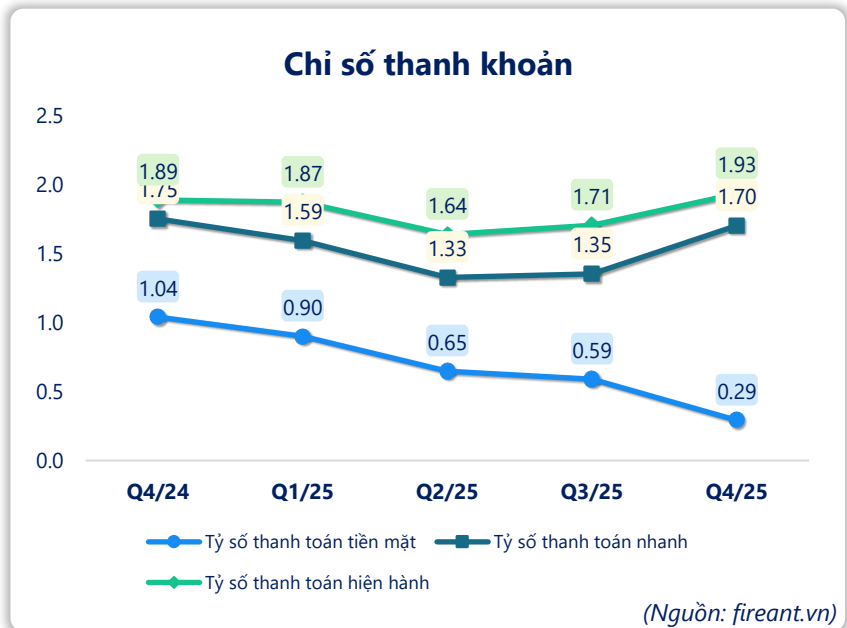
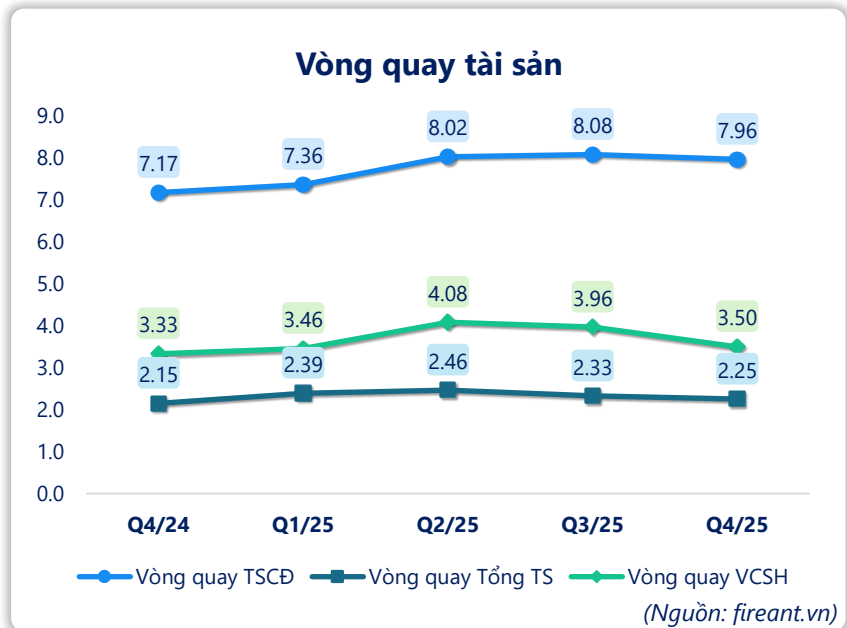
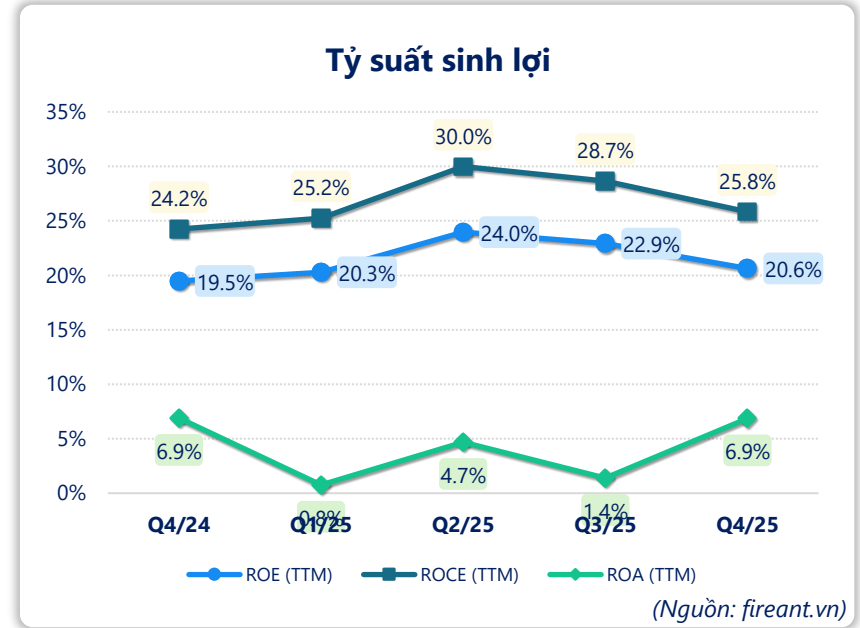
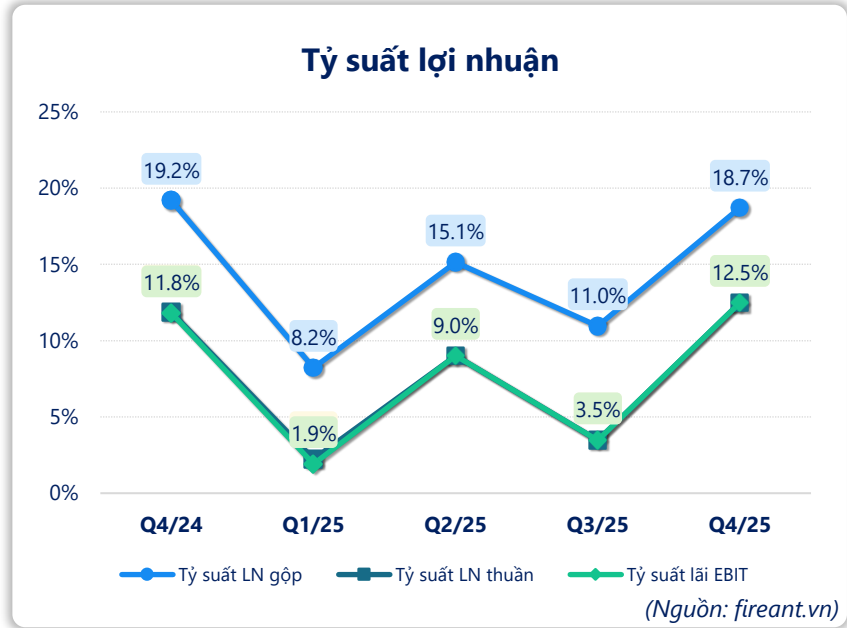
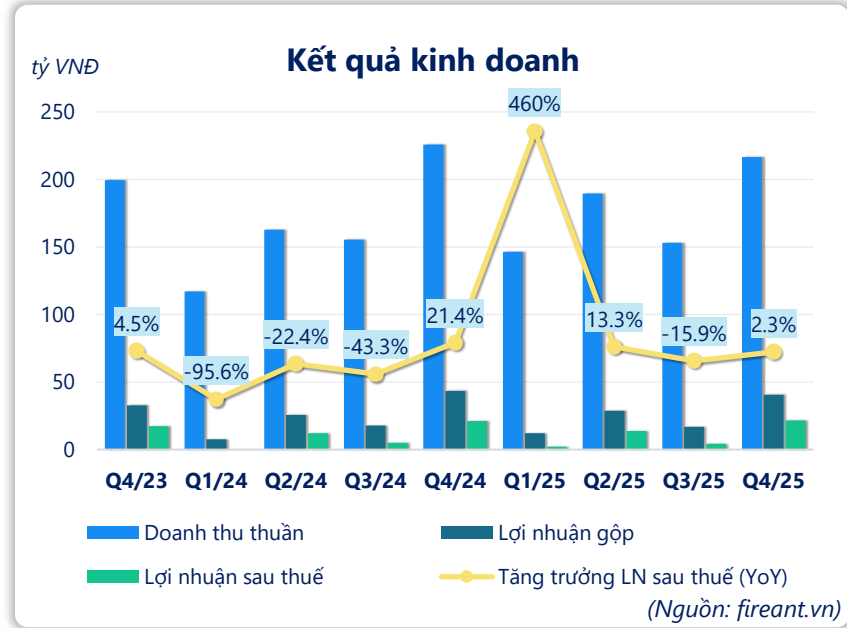


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		21,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,568
SL cổ phiếu LH		12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		2,955
% sở hữu nước ngoài		6.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		259
P/E		6.2
EPS		3,469

	YTD	1T	3T	6T
CLH	1.9%	0.5%	-4.0%	4.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	315	312	1.1%
Tài sản ngắn hạn	216	210	2.8%
Tiền và tương đương tiền	32.5	116	-71.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	151	69.5	117%
Phải thu ngắn hạn	5.96	9.61	-37.9%
Hàng tồn kho	25.9	15.1	71.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.47	0.08	501%
Tài sản dài hạn	99.6	102	-2.4%
Phải thu dài hạn	0.63	0.59	6.6%
Tài sản cố định	87.3	90.0	-2.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.20	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	11.4	11.5	-0.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	112	112	0.3%
Nợ ngắn hạn	112	111	0.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	37.3	42.6	-12.3%
Nợ dài hạn	0.63	0.59	6.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	203	200	1.5%
Vốn chủ sở hữu	203	200	1.5%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	226	146	190	153	217
Giá vốn hàng bán	183	134	161	136	176
Lợi nhuận gộp	43.3	12.0	28.7	16.8	40.6
Doanh thu HĐTC	2.69	0.32	2.81	0.41	3.24
Chi phí TC	0.04	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0.01	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	5.60	1.95	5.15	1.65	3.67
Chi phí QLDN	13.6	7.14	9.27	10.2	13.1
LN thuần từ HĐKD	26.8	3.28	17.1	5.30	27.1
Lợi nhuận khác	-0.15	-0.48	0.00	0.02	0.00
LN trước thuế	26.6	2.81	17.1	5.32	27.1
Lợi nhuận sau thuế	21.2	2.19	13.7	4.25	21.5
LNST của CĐ cty mẹ	21.2	2.19	13.7	4.25	21.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.7	-17.3	6.11	16.3	29.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-20.0	-0.80	-0.65	-21.7	-67.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-2.50	0	-27.8	0.61	-0.01
Tiền đầu kỳ	110	116	97.6	75.3	70.4
Lưu chuyển tiền thuần	6.20	-18.1	-22.3	-4.85	-37.9
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	116	97.6	75.3	70.4	32.5

(Nguồn: fireant.vn)